

HOÀNG SA TRƯỜNG SA THEO TRUNG QUỐC SỬ

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống

Dẫn Nhập

Thời Thế Chiến II, cuối thập niên 1930 Nhật Bản cấu kết với Đức Quốc Xã và Phát Xít Ý để phát động Chiến Tranh Thái Bình Dương. Năm 1938 Nhật chiếm 3 đảo tại Hoàng Sa là Phú Lâm, Lincoln và Hữu Nhật. Qua năm sau, ngày 30-3-1939, Chính Phủ Đông Kinh ra Tuyên Cáo đòi chủ quyền lãnh thổ tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1937, Nhật oanh tạc và tiến chiếm Nam Kinh Thượng Hải trong cuộc chiến tranh không tuyên chiến. Trước đó, năm 1931, Nhật chiếm Mãn Châu để thành lập Mãn Châu Quốc và đem Phổ Nghi là ông vua cuối cùng của triều Mãn Thanh về làm vua Mãn Châu.

Việc Nhật Bản thôn tính Hoàng Sa và Trường Sa năm 1939 là một hành động xâm lăng võ trang làm bàn đạp tấn công các quốc gia thân Tây Phương tại Đông Nam Á như Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba, Miến Điện và Việt Nam. Đặc biệt để kết hợp Mặt Trận Hoa Nam với Mặt Trận Đông Bắc tại Nam Kinh Thượng Hải. Đây là nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia Trung Hoa. Mặc dầu vậy, Chính Phủ Trùng Khánh vẫn án binh bất động và *không lên tiếng phản đối*.

Trong khi đó, thay mặt Việt Nam, ngày 21-4-1939, Chính Phủ Pháp đã gửi Công Hàm phản kháng hành động xâm lăng phi pháp của Nhật Bản tại Biên Đông Hải, đồng thời công bố chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tại Hà Nội, bàn về vụ tranh chấp Biên Đông, nhà văn Hoàng Đạo trong Nhóm Ngày Nay quan niệm rằng: “Lấy luật mới cũ ra mà nói thì Hoàng Sa là của Việt Nam. Nhưng trên trường quốc tế, người ta không theo luật mới cũ gì cả. *Chỉ có Luật của Sức Mạnh*. Đó là quan điểm thực tiễn theo châm ngôn Kẻ Mạnh Bao Giờ Cũng Có Lý, và Sức Mạnh Là Lẽ Phải. (La raison du plus fort est toujours la meilleure; Might is right).

Để phản bác quan niệm phi nhân này, chúng ta đề ra nguyên lý căn bản trong việc tổ chức xã hội loài người:

Vì con người không phải là cầm thú nên nhân loại văn minh không chấp nhận Luật Rừng Xanh Mạnh Được Yếu Thua.

Vì con người không phải là tôm cá nên chúng ta phủ nhận quan niệm Cá Lớn Nuốt Cá Bé.

Đó là nói về thời điểm 1939.

35 năm sau, tháng 1-1974, thừa dịp quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Paris 1973, Trung Quốc vận dụng toàn lực chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Lưỡi Liềm phía tây nam với các đảo Hoàng Sa, Quang Hòa, Quang Ảnh, Hữu Nhật, Duy Mộng và Tri Tôn.

Trước đó, hồi tháng 4-1956, thừa dịp quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Geneva 1954, Trung Quốc chiếm 7 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm An Vĩnh phía đông bắc. Đó là vùng biển của Việt Nam có danh xưng là Thất Châu Dương gồm 7 đảo: Phú Lâm, Lincoln, Đảo Hòn Đá, Đảo Cây, Đảo Bắc, Đảo Trung và Đảo Nam.

Năm 1974, từ Paris Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn nhận định rằng: “Hoàng Sa thất thủ là do sự rạn nứt của khối đại đoàn kết dân tộc. Hoàng Sa là đất của Việt Nam, của nước Việt Nam thống nhất. Khi Việt Nam còn chia đôi thì chúng ta không có tư thế để điều đình đòi lại quần đảo này, mặc dầu theo lịch sử có nhiều bằng chứng cho biết đó là đất của Việt Nam”.

Do đó muốn giành lại chủ quyền hải phận và hải đảo tại Biển Đông Hải phải có sự đoàn kết quốc dân trong một quốc gia thống nhất.

Đó là cảm nghĩ của nhà trí thức lý tưởng, tha thiết đến tiền đồ đất nước.

Tuy nhiên, từ 1974 đến nay đã 36 năm, thời gian cho biết nhận định này đã tỏ ra không chính xác.

Vì ngày nay đất nước ta đã thống nhất. Và toàn dân ta, với trên 85 triệu người Việt trong và ngoài nước, đã đồng tâm nhất trí đứng lên đấu tranh đòi lại những hải đảo và hải phận đã mất. Vậy mà, theo chiều hướng hiện tại, càng ngày chúng ta càng mất chủ quyền lãnh thổ tại Biển Đông Hải. Lý do không phải vì đất nước chúng ta bị qua phân, mà vì *chúng ta có một chính quyền đi trái lòng dân*, không cho người dân đứng lên bảo toàn đất tổ và hành sử quyền yêu nước bằng những cuộc biểu dương lực lượng quy mô và đồng loạt khắp nơi trên thế giới làm chấn động dư luận quốc tế và cảnh tỉnh lương tri nhân loại. Đồng thời gây áp lực buộc kẻ xâm lược phải chùn bước xâm lăng, phải tôn trọng danh dự và chữ ký của họ. Và phải ngồi vào bàn hội nghị để các cơ quan trọng tài hay tài phán quốc tế đưa ra những giải pháp công bằng và hợp lý theo tinh thần và bản văn *Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển* mà họ đã ký kết tham gia năm 1982. Công Ước này là một văn kiện trong chính sử Trung Quốc và có hiệu lực chấp hành từ năm 1994.

1. Quy Chế Thềm Lục Địa

Chiều Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải được hưởng quy chế Thềm Lục Địa 200 hải lý (370km) để thăm dò và khai thác dầu khí. Đây là *chủ quyền chuyên biệt* (sovereign exclusive right), không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chiếm hữu, khai phá hay tuyên bố minh thị (occupation, exploration or assertion of right). Mọi sự tự tiện chiếm cứ của ngoại

bang dầu có vỡ trang hay không đều bất hợp pháp, vô giá trị và vô hiệu lực (các Điều 77 và 81).

Về mặt *địa lý*, tại quần đảo Hoàng Sa, đảo Tri Tôn chỉ cách Quảng Ngãi 135 hải lý, và đảo Hoàng Sa chỉ cách lục địa Việt Nam 160 hải lý. Vì vậy *quần đảo Hoàng Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý của Việt Nam*.

Trong khi đó các đảo Hoàng Sa cách Hoa Lục tới 270 hải lý nên *không nằm trong Thềm Lục Địa của Trung Hoa*.

Về mặt *địa chất*, các chuyên gia quốc tế như Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu, đo đạc và vẽ bản đồ các hải đảo và đáy biển, đã lập phúc trình kết luận rằng: “*Về mặt địa chất, các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam*”. (*Geologiquement les Paracels font partie du Vietnam*). *Về địa hình đáy biển Hoàng Sa là một cao nguyên chìm dưới đáy biển nối tiếp lục địa Việt Nam*.

Độ sâu nhất tại vùng biển Hoàng Sa là 900m. (Trong quá trình hình thành nước Biển Đông Hải đã rút xuống 4,000m). Ngày nay nếu nước biển rút xuống 900m thì các đảo Hoàng Sa sẽ biến thành một hành lang chạy thoải từ dãy Trường Sơn qua Cù Lao Ré đến các đảo Tri Tôn, Hoàng Sa và Phú Lâm. (Phúc Trình Krempf về Hoàng Sa lập trong hai năm 1925-1927 được lưu trữ tại Văn Khố Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris).

Vì đáy biển Hoàng Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền kéo dài ra ngoài biển nên chiếu Điều 76 Luật Biển, Việt Nam có triển vọng được Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc cho mở rộng Thềm Lục Địa Pháp Lý 200 hải lý thành Thềm Lục Địa Địa Chất hay Thềm Lục địa Mở Rộng đến 350 hải lý (650km).

Trong khi đó từ Hoàng Sa về lục địa Trung Hoa có một rãnh biển sâu tới 2,300m. Như vậy về mặt địa chất và địa hình đáy biển, Hoàng Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Trong trường hợp này Trung Hoa không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng.

Tại *Trường Sa* cũng vậy, tại Bãi Thanh Long Tứ Chính, nơi khai thác dầu khí, độ sâu chỉ tới 400m, và tại đảo Trường Sa độ sâu chỉ tới 200m. Như vậy về mặt địa chất và địa hình đáy biển, cũng như Hoàng Sa, *các đảo Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển*. Theo quan điểm của các Luật Sư Covington và Burling trong Bản Tường Trình tháng 6-1995 gửi Chính Phủ Việt Nam, *quần đảo Trường Sa có triển vọng được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng đến 350 hải lý*.

Trong khi đó từ Trường Sa về bờ biển Quảng Đông có một rãnh biển sâu tới 4,550m. Như vậy các đảo Trường Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Và Trung Quốc không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng 350 hải lý. Dầu sao, trong mọi trường hợp, khoảng cách

từ Hoa Lục tới đảo Trường Sa là 750 hải lý (quá xa tầm 350 hải lý Thềm Lục Địa Mờ Rông nếu có).

Hơn nữa, về mặt *địa lý*, Bãi Thanh Long Tứ Chính và đảo Trường Sa chỉ cách lục địa Việt Nam từ 150 đến 220 hải lý. Trong khi đó *quần đảo Trường Sa cách lục địa Trung Hoa từ 550 đến 800 hải lý nên không nằm trong thềm lục địa Trung Hoa.*

Trong Bản Tường Trình nộp tại Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc ngày 11- 5-2009, Chính Phủ Bắc Kinh chỉ đề cập đến *hải phận* hay *Biển Lịch Sử* chứ không vẽ Thềm Lục Địa Mở Rộng theo các tiêu chuẩn luật định về khoa học và kỹ thuật như Liên Hiệp Quốc đòi hỏi.

Cũng vì vậy Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc sẽ bác bỏ không cứu xét đơn thỉnh nguyện của Bắc Kinh. Để trốn tránh vấn đề và làm lạc hướng dư luận, Trung Quốc chỉ đơn thuần đòi vùng biển phác họa theo hình chữ U mà họ gọi là *Lưỡi Rông Trung Quốc* hay *Biển Lịch Sử*.

2. Lưỡi Rông Trung Quốc

Lưỡi Rông Trung Quốc (mà dân gian gọi là Lưỡi Bò) chiếm 80% hải phận Biển Đông Nam Á. Nó nằm sát bờ biển các quốc gia duyên hải, chỉ cách Quảng Ngãi 40 hải lý và cách Phi Luật Tân và Mã Lai 25 hải lý. Như vậy nó tước đoạt ít nhất 160 hải lý của Thềm Lục Địa Việt Nam, và 175 hải lý của các Thềm Lục Địa Phi Luật Tân và Mã Lai. Đây hiển nhiên là sự vi phạm thô bạo Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển dành chủ quyền chuyên biệt cho các quốc gia duyên hải như Việt Nam, Phi Luật Tân và Mã Lai được hưởng tối thiểu 200 hải lý Thềm Lục Địa Pháp Lý để thăm dò và khai thác dầu khí.

Theo học giả Mark J. Valencia tại Viện Hải Học Đông Tây Hawaii (East-West Institute) yêu sách của Trung Quốc về Biển Lịch Sử không được Luật Pháp và Tòa Án chấp nhận. Ngày nay càng ngày dư luận quốc tế càng phê phán và chế giễu Lưỡi Rông Trung Quốc là *khôi hài và lối bịch (China's claim is being increasingly criticized and even ridiculed: China and the South China Sea Disputes, Mark J. Valencia, Oxford University Press. October 1995).*

Hồi thế kỷ thứ nhất *Đế Quốc La Mã* cũng đòi chủ quyền lãnh thổ toàn vùng *Biển Địa Trung Hải* mà họ gọi là "*Biển Lịch Sử Của Chúng Tôi!*" (*Mare Nostrum: Notre Mer/ Our Sea*). Địa Trung Hải là vùng biển bao la chạy từ bờ biển Tây Ban Nha qua Pháp, Ý, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ đến các bờ biển Trung Đông và Bắc Phi. Đó là một quan niệm bá quyền lỗi thời từ 2 ngàn năm trước.

Mặc dầu vậy, từ 1955, để phục hồi Chủ Nghĩa Bá Quyền, Mao Trạch Đông lại nêu lên thuyết *Biển Lịch Sử* để đòi chủ quyền lãnh thổ tại vùng biển và các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa. Theo ngoa ngôn của Bắc Kinh Lưỡi Rông Trung Quốc rộng bằng phân nửa lục địa Trung Hoa. Họ cho đó là một vấn đề *bất khả tranh nghị.*

1 Về điểm này chúng ta nhấn nhủ nhà cầm quyền Bắc Kinh rằng: *Trong thế kỷ này và dưới vòm trời này, không có điều gì, việc gì, hay vấn đề gì là bất khả tranh nghị.* Về mặt tinh thần, văn hóa và đạo lý, Trung Quốc không thể nói một đằng làm một nẻo. Họ phải tôn trọng danh dự quốc gia và chữ ký của họ trong Công Ước. Họ phải chấp nhận công khai hóa vụ tranh chấp và phải đưa ra trước thanh thiên bạch nhật những tài liệu và quan điểm cho biết tại sao và căn cứ vào đâu mà đòi tước đoạt chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia Đông Nam Á tại các thêm lục địa như đã quy định trong Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 mà Trung Quốc đã ký kết tham gia với tư cách một trong Ngũ Cường hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An có quyền phủ quyết? Nếu không đưa ra sự giải thích hợp lý và các cơ sở pháp lý thì Trung Quốc vẫn chỉ là kẻ sử dụng Luật Rừng Xanh theo chủ trương Mạnh Được Yếu Thua và Cá Lớn Nuốt Cá Bé. *Để tước đoạt 4/5 Thêm Lục Địa Pháp Lý của Việt Nam, đồng thời tước đoạt 7/8 Thêm Lục Địa Pháp Lý của Phi Luật Tân và Mã Lai.*

Hơn nữa, chiếu các Điều 77 và 81 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, chủ quyền của các quốc gia duyên hải tại thêm lục địa có tính *tuyệt đối và chuyên biệt.* Bất cứ sự xâm phạm nào của ngoại bang đều là xâm chiếm võ trang hay không võ trang cũng đều bất hợp pháp, vô giá trị và vô hiệu lực. Cũng như việc Nhật Bản đã chiếm cứ bất hợp pháp các hải đảo và hải phận tại Hoàng Sa và Trường Sa thời Thế Chiến II từ 1938 đến 1945.

Chắc hẳn Trung Quốc cũng hay biết rằng *Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982 là một văn kiện pháp lý rút trong chính sử mà trên một trăm quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc phải tôn trọng và thực thi.*

Trung Quốc không thể tự coi mình là một ngoại lệ bằng cách ban hành Luật Biển Quốc Nội năm 1992 (Domestic Law of the Sea) để mở rộng đường cơ sở của Biển Lãnh Thổ (Territorial Sea) và Vùng Tiếp Cận (Contiguous Zone) và coi ranh giới Luỡi Ròng Trung Quốc là “biên thù chiến lược” của đảo Hải Nam. Tuy nhiên *biên thù này cách lục địa Trung Hoa cả ngàn cây số nên không thể coi là biên thù cho một hải đảo hay một lục địa.*

Chiếu nguyên tắc “*các hiệp ước quốc tế phải được tôn trọng*” (Rule Pacta Sunt Servanda), Điều 26 Công Ước Vienna về Luật Hiệp Ước (Vienna Convention on the Law of Treaties 1969) quy định như sau: “*Các hiệp ước quốc tế có hiệu lực chấp hành buộc các quốc gia kết ước phải ngay tình tuân thủ*”. Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về Luật Quốc Tế (The United Nations International Law Commission) coi đây là “*một nguyên tắc căn bản về luật hiệp ước, có lẽ là nguyên tắc quan trọng nhất trong công pháp quốc tế*”.

Chiếu nguyên tắc về *giá trị thượng tôn của Luật Quốc Tế đối với Luật Quốc Nội (Rule of Supremacy of International Law)*, các quốc gia kết ước phải thực sự thi hành những quyền hạn và nghĩa vụ ghi trong các hiệp ước hay công ước quốc

tế. Họ không thể viện dẫn luật quốc nội để khước từ thi hành nghĩa vụ của họ ghi trong các hiệp ước và công ước quốc tế mà họ đã ký kết hay tham gia.

Đó chính là trường hợp của Trung Quốc. 10 năm sau khi ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982, năm 1992, Bắc Kinh ban hành Luật Quốc Gia về Biển mở rộng đường cơ sở của Biển Lãnh Thổ và Vùng Tiếp Cận để xâm phạm chủ quyền chuyên biệt tại các Thềm Lục Địa của Việt Nam, Mã Lai và Phi Luật Tân.

Ngoài ra, như đã trình bày, ranh giới Lưỡi Rong Trung Quốc tại Hoàng Sa, Trường Sa không thể coi là biên thù chiến lược của đảo Hải Nam hay của Hoa Lục. Vì, theo định nghĩa, biên thù phải nằm sát hải đảo hay lục địa.

Những vi phạm Luật Biển nói trên phải được đệ trình Tòa Án Quốc Tế (The Hague) hay các Tòa Án Luật Biển do Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển thiết lập.

Muốn giải quyết những mâu thuẫn và tranh chấp về thềm lục địa, về hải phận và hải đảo, về mặt tố tụng, các quốc gia đương tụng phải, trước hết, tuân hành những phương thức điều giải ôn hòa như hòa giải, thương nghị hay trọng tài trước khi nội vụ được thụ lý bởi các tòa án quốc tế.

Ngoài Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982, còn có rất nhiều tài liệu lịch sử rút ra từ chính sử hay ngoại sử Trung Quốc theo đó chủ quyền của Việt Nam tại các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa đã được thừa nhận bởi các quốc gia trên thế giới kể cả *Trung Quốc*.

3. Trung Quốc Khước Từ Chủ Quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa và Trường Sa trong Tuyên Cáo Cairo 1943

Trong khi Thế Chiến II còn đang tiếp diễn, năm 1943, ba cường quốc đồng minh đại diện bởi Tổng Thống Hoa Kỳ Roosevelt, Thủ Tướng Anh Churchill và Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc Tưởng Giới Thạch đã hội nghị tại Cairo (Ai Cập), và đã ký Tuyên Cáo Cairo ngày 27-11-1943 trong đó có đoạn như sau:

“Đối tượng của các quốc gia đồng minh là tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả các lãnh thổ và hải đảo tại Thái Bình Dương mà Nhật đã cưỡng chiếm từ khi khởi sự Thế Chiến I. Tất cả các lãnh thổ và hải đảo mà Nhật Bản đã chiếm đoạt của nhân dân Trung Hoa như *Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ* sẽ phải giao hoàn cho Trung Hoa Dân Quốc”. Điều đáng lưu ý là, tại Hội Nghị Cairo Tổng Thống Tưởng Giới Thạch *không đòi Hoàng Sa và Trường Sa*. Và như vậy *đã khước từ chủ quyền tại hai quần đảo này*. (U. N. Treaty Series, American Policy 1950-1955).

Năm 1931, bằng chiến tranh vũ trang, Nhật xâm chiếm Mãn Châu để thành lập “Mãn Châu Quốc”. Lúc này theo khuyến cáo của Luật Sư Ngoại Trưởng Henry Stimson, Tổng Thống Hoa Kỳ Herbert Hoover đề ra *Chủ Thuyết Stimson* theo đó

Hoa Kỳ không thừa nhận các quốc gia hay chính phủ thiết lập do chiến tranh võ trang. Năm 1931, Hoa Kỳ và Anh Quốc đã áp dụng Chủ Thuyết Stimson khi Nhật Bản xâm chiếm Mãn Châu bằng võ lực. Cũng vì vậy trong Tuyên Cáo Cairo 1943 Tổng Thống Roosevelt và Thủ Tướng Churchill tán thành đề nghị của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch về việc Đồng Minh sẽ giao hoàn Mãn Châu cho Trung Quốc khi chiến tranh kết thúc.

Trước đó, trong Chiến Tranh Trung-Nhật 1894-1895, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ cũng bị Nhật Bản chiếm cứ bằng võ lực nên cũng sẽ phải giao hoàn cho Trung Quốc.

Tại Biển Đông Hải, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng đã bị Nhật Bản chiếm cứ bằng võ lực hồi khởi sự Thế Chiến II. Năm 1938 Nhật Bản chiếm 3 đảo tại Hoàng Sa là Phú Lâm, Lincoln và Hữu Nhật (Robert). Năm 1939 Nhật Bản công bố chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa và đổi tên Hoàng Sa thành Hirata Gunto và Trường Sa thành Shinnan Gunto. Nếu quả thật hai quần đảo này thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc thì lẽ cố nhiên Tổng Thống Tưởng Giới Thạch cũng đã đề nghị giao hoàn Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc tại Hội Nghị Cairo 1943.

Theo công pháp quốc tế Tuyên Cáo Cairo 1943 là một hiệp ước quốc tế tạo nên những nghĩa vụ quốc tế áp dụng cho các quốc gia liên hệ. Nó có hiệu lực cưỡng hành đối với Trung Quốc, dầu là Trung Hoa Dân Quốc hay Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là *quốc gia kế thừa chủ quyền*. Đặc biệt là, *trong hiện vụ, cả hai phe Quốc Cộng Trung Hoa đều xác nhận như vậy.*

Thật vậy, ngày 4-12-1950, *Chu Ân Lai*, lúc này là ngoại trưởng, tuyên bố *tán thành Bản Tuyên Cáo Cairo 1943* là văn kiện lịch sử quốc tế mà Hoa Kỳ, Anh Quốc và Trung Quốc đã ký kết để làm căn bản cho Hòa Ước ký với Nhật Bản (Hòa Ước San Francisco ngày 8-9-1951). (Chou En Lai's Statement on the Peace Treaty with Japan. People's China, 12-16-1950).

12 năm sau khi ký, ngày 8-2-1955, trong bản “Duyệt Lại Tình Hình Thế Giới” Tổng Thống Tưởng Giới Thạch cũng xác nhận *Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam đã phản ảnh chính xác sự thật lịch sử*: “Tôi còn nhớ năm 1943 cố Tổng Thống Hoa Kỳ Roosevelt và Thủ Tướng Anh Churchill đã cùng tôi họp Hội Nghị Cairo để thảo luận về những vấn đề liên quan đến việc tiến hành Chiến Tranh Chống Nhật. Trong Bản Tuyên Cáo công bố vào ngày bế mạc Hội Nghị (27-11-1943) chúng tôi loan báo rằng tất cả các lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc, kể cả Đông Bắc Tỉnh (Mãn Châu), Đài Loan và Bành Hồ, phải được giao hoàn cho Trung Quốc. Bản Tuyên Cáo này đã được Tuyên Ngôn Potsdam (ngày 26-7-1945) thừa nhận và được Nhật Bản chấp nhận thi hành khi đầu hàng. Như vậy giá trị *Tuyên Cáo Cairo đặt căn bản trên những thỏa thuận không ai có thể dị nghị*

được”. (Review of International Situation, China Publishing Co, Taipei 1956, p.p 22-23).

Tuyên Cáo Cairo ngày 27-11-1943 cũng đã được Liên Xô tán thành tại Hội Nghị Tehran ngày 30-11-1943 giữa Tổng Thống Roosevelt, Thủ Tướng Churchill và Chủ Tịch Stalin. Trong phiên Hội Nghị này Stalin cho biết ông đã đọc Tuyên Cáo Cairo với đầy đủ nội dung của nó. Ông cũng nhìn nhận rằng việc giao hoàn Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ cho Trung Quốc là hợp lý. (The Conferences at Cairo and Tehran 1943, The Foreign Relations of the United States, Washington D.C, 1961)

4. Đồng Minh Không Thừa Nhận Chủ Quyền Lãnh Thổ của Trung Quốc tại Hoàng Sa Trường Sa trong Tuyên Ngôn Potsdam 1945.

Tháng 5-1945 Đức Quốc Xã đầu hàng Đồng Minh. Tháng 7-1945 Mỹ, Anh và Liên Xô họp Hội Nghị Potsdam (Đức) để thảo luận về tương lai chính trị, đặc biệt về vấn đề tổ chức tuyến cử tại các nước Đông Âu và Trung Âu. Ngoài ra Tuyên Ngôn Potsdam ngày 26-7-1945 còn ấn định thể thức giải giới quân đội Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh tại Thái Bình Dương. Để tước khí giới quân đội Nhật, Đồng Minh quyết định chia Việt Nam thành 2 khu vực giải giới theo Vĩ Tuyến 16: *Quân đội Trung Hoa có nghĩa vụ giải giới và hồi hương quân đội Nhật từ Vĩ Tuyến 16 ra Bắc. Và quân đội Anh được ủy nhiệm giải giới và hồi hương quân đội Nhật từ Vĩ Tuyến 16 vào Nam.* (Japan Subdued: The End of The War in the Pacific, Princeton Press University, 1961).

Theo Tuyên Ngôn Potsdam, Trung Quốc có nghĩa vụ giải giới quân đội Nhật từ Vĩ Tuyến 16 ra Bắc kể cả tại quần đảo Hoàng Sa tọa lạc tại Vĩ Tuyến 16: Nhóm Lưỡi Liềm (Crescent Group) phía tây nam tại vĩ độ 16°30 và Nhóm An Vĩnh (Amphitrite Group) phía đông bắc tại vĩ độ 16°50.

Trong khi đó quân đội Anh có nghĩa vụ giải giới quân đội Nhật từ Vĩ Tuyến 16 vào Nam, kể cả tại quần đảo Trường Sa tọa lạc tại các Vĩ Tuyến từ 12° đến 7° (từ Cam Ranh xuống Nam Cà Mau).

Giải giới quân nhân không phải là tiếp thu hay chiếm hữu lãnh thổ. Do đó nếu Anh Quốc không có chủ quyền lãnh thổ tại Trường Sa, thì Trung Quốc cũng không có chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa. Và lẽ dĩ nhiên, Trung Quốc cũng không có chủ quyền lãnh thổ tại Trường Sa.

Về việc giải giới quân đội Nhật tại phía Bắc Vĩ Tuyến 16, ngày 28-2-1946 Trung Quốc ký với Pháp Hiệp Ước Trùng Khánh theo đó “Pháp khước từ trị-ngoại pháp-quyền và các quyền liên hệ khác tại Trung Hoa” (chủ yếu là Pháp trả Trung Quốc các tô giới tại Thượng Hải và Quảng Châu Loan). Để bù lại Trung Quốc đồng ý để quân đội Pháp đổ bộ lên Bắc Việt thay thế quân đội Trung Hoa giải giới

quân đội Nhật tại phía bắc vĩ tuyến 16. (Jean R. Sainteny: Histoire D'une Paix Manquée, Indochine 1945-1947).

Một tuần sau Hiệp Ước Trùng Khánh, Chính Phủ Pháp ký với Chính Phủ Hà Nội *Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny ngày 6-3-1946* theo đó Pháp thừa nhận *Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Về mặt quân sự 15 ngàn quân Pháp được đồn trú tại Việt Nam trong thời hạn 5 năm.* Theo tinh thần hợp tác quốc tế, Chính Phủ Hà Nội cam kết sẽ tiếp đón quân đội Pháp vào Bắc Việt để thay thế quân đội Trung Hoa giải giới quân đội Nhật.

Việc này cho biết, khác với Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ, Đồng Minh không nhìn nhận Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Lý do là vì, tại Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ, Trung Quốc được quyền tiếp thu rồi *tự mình đứng ra giải giới quân đội Nhật Bản* mà không phải nhờ đến các quốc gia đồng minh Anh Pháp.

5. Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951 Thừa Nhận Chủ Quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Mùa Xuân 1945, 51 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc. 6 năm sau, năm 1951, 51 quốc gia đồng minh lại họp Hội Nghị để ký Hòa Ước Cựu Kim Sơn ngày 8-9-1951. Mục đích để chấm dứt tình trạng chiến tranh, phục hồi và tái thiết Nhật Bản nhằm xây dựng hòa bình thế giới trong tinh thần hòa giải, hợp tác và hữu nghị theo tôn chỉ của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, và phỏng theo Kế Hoạch Marshall được thi hành từ 1947 để tái thiết Âu Châu.

Năm 1949 Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cướp chính quyền bằng võ trang tại Hoa Lục, và Chính Phủ Trung Hoa Dân Quốc đã di tản sang Đài Loan. Trong điều kiện chính trị này các Quốc Gia Đồng Minh Tây Phương *không thừa nhận Chính Phủ Bắc Kinh chiếu Chủ Thuyết Stimson* được áp dụng trong vụ Mãn Châu năm 1931. Do đó cả hai Chính Phủ Quốc-Cộng Trung Hoa đều không được mời tham dự Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951.

Trong khi đó, ngày 8-3-1949, Pháp ký với Việt Nam Hiệp Định Elysee để trả độc lập và thống nhất cho Quốc Gia Việt Nam. Ngày 23- 4-1949, chiếu nguyên tắc Dân Tộc Tự Quyết, Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ thuộc địa để sát nhập Nam Phần vào Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất. Từ đó *Việt Nam có tư cách để đứng ra bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ từ Nam Quan đến Cà Mau.* Với tư cách này, Việt Nam được mời tham dự Hội Nghị San Francisco 1951.

Ngày 12-7-1951 Ban Tổ Chức Hội Nghị San Francisco đã phổ biến bản Dự Thảo Hòa Ước trong đó Điều 2 về Lãnh Thổ (Territory) đề cập đến 4 vấn đề chủ yếu sau đây:

(a) Nhật Bản nhìn nhận nền độc lập của *Triều Tiên*. [sau khi thắng Nga năm 1905, Nhật thiết lập chế độ thuộc địa tại Triều Tiên].

(b) Nhật Bản khước từ chủ quyền tại các đảo Kurile và Sakhalin [để giao hoàn cho *Liên Xô*. Trước Chiến Tranh Nga-Nhật năm 1905 các đảo này thuộc chủ quyền của Vương Quốc Nga].

(c) Nhật Bản khước từ chủ quyền tại đảo *Đài Loan* và quần đảo *Bành Hồ* [để giao hoàn cho *Trung Quốc*. Những đảo này Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc trong Chiến Tranh Trung-Nhật 1895].

(d) Nhật Bản khước từ chủ quyền tại các quần đảo *Hoàng Sa* và *Trường Sa* [để giao hoàn cho *Việt Nam*].

Đây là một sự thật lịch sử và một quyết định hợp lý. Vì nếu Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc [cũng như Đài Loan và Bành Hồ] thì Điều 2 Hòa Ước San Francisco không cần phải chia thành hai đề mục riêng biệt (c) và (d), mà chỉ cần ghi: “Nhật Bản khước từ chủ quyền tại đảo Đài Loan và các quần đảo như Bành Hồ, Hoàng Sa và Trường Sa” [để giao hoàn cho Trung Quốc].

Khi Nhật Bản tuyên bố khước từ chủ quyền lãnh thổ về Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951, *các quốc gia tham dự Hội Nghị đã phủ nhận chủ quyền của Trung Quốc, và mặc nhiên nhìn nhận chủ quyền của Việt Nam tại 2 quần đảo này. Thật vậy:*

Ngày 5-9-1951, trong phiên Khoáng Đại Hội Nghị thứ 5, Ngoại Trưởng Liên Xô Andrei Gromyko đệ trình Tu Chính Án yêu cầu Hội Nghị trao Đài Loan, Bành Hồ, Trường Sa và Hoàng Sa (Nam Sa và Tây Sa) cho Trung Quốc. *Tu Chính Án này đã bị Hội Nghị bác bỏ với 46 phiếu chống, 3 phiếu thuận và 1 phiếu trắng.*

Ngày 7-9-1951, trong phiên Khoáng Đại Hội Nghị thứ 7, *Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng Trần Văn Hữu, Trưởng Phái Đoàn Quốc Gia Việt Nam lên diễn đàn công bố chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa và không gặp sự phản kháng nào của 51 quốc gia tham dự Hội Nghị (kể cả Liên Xô).*

Qua hôm sau, ngày 8-9-1951 các quốc gia tham dự Hội Nghị San Francisco chấp thuận toàn bộ Bản Dự Thảo Hòa Ước đặc biệt là Điều 2 quy định nền độc lập của Triều Tiên và giao hoàn 3 nhóm hải đảo tại Thái Bình Dương cho 3 nước Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

Về mặt pháp lý, với sự công bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa trước 50 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc tham dự Hội Nghị San Francisco 1951, chúng ta khẳng định rằng: *Từ 1951 các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các quốc gia trên thế giới thừa nhận thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam, chứ không thuộc chủ quyền của Trung Quốc.*

Việc 92% các quốc gia Đồng Minh hội viên Liên Hiệp Quốc thừa nhận chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa có *giá trị tuyệt đối (erga omnes: full force and credit)*, kể cả đối với những quốc gia không tham dự Hội Nghị như Trung Quốc và Đài Loan. (Conference for the Conclusion and Signature of the Peace Treaty with Japan, U. N. Treaty Series, Volume 136, p. 46).

Như ta đã biết, chiếu Chủ Thuyết Stimson ban hành năm 1931, Hoa Kỳ và các quốc gia đồng minh như Anh, Pháp không công nhận Chính Phủ Mao Trạch Đông vì Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cướp chính quyền tại Hoa Lục bằng vũ trang hai năm trước đó (1949).

Ba năm sau Hội Nghị San Francisco 1951, Hội Nghị Geneva 1954 đã **minh thị** xác nhận chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

6. Hiệp Định Geneva 1954 Minh Thị Xác Nhận các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Chủ Quyền Lãnh Thổ của Việt Nam

Tháng 7-1954, để giải quyết Chiến Tranh Đông Dương, Hội Nghị Geneva được triệu tập với sự tham dự của 9 quốc gia gồm Ngũ Cường Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc, cùng Ai Lao, Cao Miên và 2 nước Việt Nam là Quốc Gia Việt Nam (Miền Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc). Hiệp Định Geneva ngày 20-7-1954 một lần nữa, đã minh thị xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa (lúc này là Quốc Gia Việt Nam) tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thật vậy:

a). Điều 4 Hiệp Định Geneva ngày 20-7-1954 quy định như sau:

“Giới tuyến giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam (Vĩ Tuyến 17) kéo dài ra ngoài **hải phận** theo một đường thẳng góc với đường ven biển.

“Lực lượng Liên Hiệp Pháp (gồm có Quốc Gia Việt Nam, Pháp và đồng minh) phải rút khỏi tất cả các hải đảo tại phía Bắc giới tuyến (Vĩ Tuyến 17).

“**Quân đội Nhân Dân Việt Nam (Bắc Việt) phải rút khỏi tất cả các hải đảo phía Nam giới tuyến**” (Vĩ Tuyến 17) nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 7, từ Quảng Trị xuống Nam Cà Mau).

Do đó chiếu Hiệp Định Geneva 1954, quân đội Bắc Việt phải triệt thoái ra khỏi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tọa lạc về phía nam Vĩ Tuyến 17 (Quảng Trị-Nam Cà Mau). Và, lẽ tất nhiên, tất cả các quân đội ngoại quốc khác (kể cả Trung Quốc và nhất là Trung Quốc) phải tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa và không được chiếm cứ hay đồn trú tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa kể cả vùng hải phận tại Biển Đông Hải. (Từ 1955 Quốc Gia Việt Nam thay đổi chính thể và lấy quốc hiệu là Việt Nam Cộng Hòa).

Vì Bắc Việt không có chủ quyền lãnh thổ từ Vĩ Tuyến 17 vào Nam nên Chính Phủ Hà Nội không có tư cách sở hữu chủ để chuyển nhượng vùng hải phận

và các hải đảo Hoàng Sa Trường Sa cho bất cứ quốc gia đệ tam nào, kể cả Trung Quốc và nhất là Trung Quốc. Kết quả là *Công Hàm Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai ngày 14-9-1958 không có giá trị và không có hiệu lực pháp lý*.

b). Hơn nữa Điều 24 Hiệp Định Geneva 1954 còn buộc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phải tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa: “Hiệp định này áp dụng cho tất cả các lực lượng vũ trang của đôi bên. Lực lượng vũ trang của mỗi bên sẽ phải tôn trọng lãnh thổ dưới quyền kiểm soát của bên kia và không có hành động nào chống phá hay phong tỏa (bên kia), *danh từ lãnh thổ bao gồm cả hải phận và không phận*”.

c). Ngoài ra Điều 12 Bản Tuyên Ngôn Sau Cùng của Hội Nghị Geneva ngày 21-7-1954 cũng khẳng định: “*Các quốc gia tham dự Hội Nghị Geneva (trong đó có Trung Quốc) cam kết tôn trọng chủ quyền độc lập, nền thống nhất quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam*”. (Trung Quốc là một trong 9 quốc gia tham dự Hội Nghị Geneva 1954 với Anh Quốc và Liên Xô là đồng chủ tịch). (Thế Nguyên, Đông Dương 1945-1973, Saigon, 1973).

d). Phụ Đính Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc (1998) cũng khuyến cáo các quốc gia hội viên tránh mọi vi phạm tập thể, thô bạo và có hệ thống bắt nguồn từ sự kỳ thị chủng tộc, đô hộ hay *chiếm đóng, gây hấn hay đe dọa chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ* bằng cách phủ nhận quyền dân tộc tự quyết và quyền của các dân tộc được hành sử đầy đủ chủ quyền đối với các tài nguyên và nguồn lợi thiên nhiên của đất nước”.

Căn cứ vào những tài liệu lịch sử nói trên, Trung Quốc đã ý thức sự *yếu kém của họ về cả ba mặt pháp lý, địa lý và lịch sử*. Do đó họ không bao giờ dám công khai thảo luận về vấn đề tranh chấp chủ quyền các hải đảo và hải phận tại Biển Đông Hải. Họ thường tránh né và cho đó là một vấn đề *bất khả tranh nghị*. Lý do đơn giản là *họ không có tài liệu hay lý lẽ gì để đưa ra tranh nghị công khai trong tinh thần chính đại quang minh*.

Tất cả lý lẽ và lập trường của Trung Quốc chỉ thu gọn trong câu: “*Biển Nam Hoa là Biển Lịch Sử của Trung Quốc*”. Cách đây 2000 năm, trong thế kỷ thứ nhất, Đế Quốc La Mã cũng đã từng tuyên bố “*Địa Trung Hải là Biển Lịch Sử của Chúng Tôi*”. Theo các luật gia và chuyên viên hải học trên thế giới, thuyết Biển Lịch Sử của Đế Quốc La Mã và Đế Quốc Đại Hán đã lỗi thời và lạc hậu.

Kể từ 1982, vấn đề Biển Lịch Sử hay Nội Hải đã được giải quyết chung thẩm bởi Điều 8 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển:

“Tòa Án Quốc Tế định nghĩa “*Biển Lịch Sử là Nội Hải*, nghĩa là vùng biển tọa lạc trên đất liền về phía bên trong đường cơ sở của Biển Lãnh Thổ. Theo Tòa Án Tối Cao: “Ngoại trừ trường hợp các quốc gia quần đảo (như Phi Luật Tân hay Nhật Bản), *Biển Lịch Sử hay nội hải của một quốc gia nằm bên trong đất liền về phía bên trong đường cơ sở của biển lãnh thổ*”. (The International Court of Justice

has defined “historic waters” as “internal water” (Fisherys cases UK vs. Norway, 1951, I. C. J. 116, 130); “Waters on the landward side of the baseline of the territorial sea form part of the internal water of the State” (Art. 8 LOS Convention 1982).

Trong khi đó, *Biển Nam Hoa chỉ là ngoại hải chạy từ bờ biển Trung Hoa đến bờ biển Nam Dương, và rộng tới 2000 cây số.*

7. Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ

Thêm một tài liệu đáng tin cậy về **chính sử** Trung Quốc là cuốn “*Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ*” do Hàn Lâm Viện Trung Quốc xuất bản tại Đài Bắc năm 1978. Trong bài “Nghiên Cứu về Lịch Sử và Địa Lý” học giả Hsieh Chiaomin nhận định về cuộc Thám Hiểm của Trung Hoa tại Đại Dương như sau: “*Suốt chiều dài lịch sử, về sự phát triển văn hóa và khoa học, dân tộc Trung Hoa không tha thiết đến đại dương*”. Theo những tài liệu lịch sử chính thống “*thần hoặc nhà cầm quyền Trung Hoa cũng gửi những đoàn thám hiểm đến Nhật Bản trong các thế kỷ thứ ba và thứ hai Trước Công Nguyên, và tại Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư và Phi Châu trong thế kỷ 15. Điểm rõ nét nhất là tại Thái Bình Dương có rất ít, nếu không nói là không có, những vụ xâm nhập quy mô của Trung Quốc*” suốt chiều dài lịch sử (từ đời nhà Tần thế kỷ thứ ba Trước C. N. đến nhà Thanh từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 20).

Dưới đời nhà Minh, Minh Thành Tổ cử Đô Đốc Thái Giám Trịnh Hòa chỉ huy những đoàn thám hiểm đến Ấn Độ Dương và Biển Ả Rập nhằm thiết lập bang giao với trên 30 quốc gia duyên hải, đồng thời khai triển Con Đường Tơ Lụa tại Ấn Độ, Phi Châu và Trung Đông. Những chuyến hải hành của phái bộ Trịnh Hòa không phải để chinh phục vùng *Biển Nam Hoa* nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đoàn hải thuyền chỉ đi qua (cross) *Biển Nam Hoa* nhằm khai phá (explore) *Ấn Độ Dương*. Phái bộ không hề ghé đến các hải đảo Việt Nam, trạm trú chân duy nhất là Đồ Bàn hay Trà Bàn (Chaban) thủ phủ Chiêm Thành. Sau khi Minh Thành Tổ mất, dư luận triều đình nhà Minh đã phê phán những cuộc hải trình nặng phần trình diễn của Trịnh Hòa vì đã làm suy yếu nền kinh tế quốc gia.

(Throughout most of their long history of cultural and scientific development, the Chinese people have been but passively interested in the ocean. Historical records indicate that from time to time the Chinese authorities sent out maritime exploring expeditions, notably those to Japan as early as the second and third centuries B.C., and to Southeast Asia, India, and Africa during the fifteenth century. Apparently there have been few, if any, planned deep penetrations of the Pacific Ocean by the Chinese during their long history. But Chinese traders did follow the land and water trade routes to India and beyond to Africa and the

Middle East, prior to the Renaissance. Chiao-Min Hsieh, *Chinese History Middle Ages: China Academy, Taipei, 1978, p. 287.*

During a period of twenty-eight years, from 1405 to 1433 Admiral Cheng Ho led seven exploring expeditions into the Pacific and Indian Oceans and visited more than thirty-seven countries. The large exploring expeditions that were to cross the South China Sea and explore the Indian Ocean were criticized by the court as poor to (an impoverishment of) the country. Chiao-Min Hsieh, *Ibid, p. 290-291).*

(The Chinese expeditions were *diplomatic* not commercial, *much less* piratical or *colonizing ventures*. John King Fairbank, *China, A New History: Harvard University Press 1991, p. 138).*

Trong Trung Quốc sử có nhiều tài liệu lịch sử và nhiều tác phẩm của các học giả Trung Hoa xác nhận chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

1. Dưới đời **Nhà Thanh**, trong các thế kỷ từ 17 đến 20, theo bản đồ *Hoàng Thanh Nhất Thống Dư Địa Tổng Đồ* do Chính Phủ ấn hành năm 1894, thì *đến cuối thế kỷ 19, “lãnh thổ của Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam là hết”*. Qua thế kỷ 20 sự kiện này được xác nhận trong cuốn *Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thư* xuất bản năm 1906 với đoạn như sau: “*Điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Châu Nhai thuộc quận Quỳnh Châu (Hải Nam) tại vĩ tuyến 18*”. Các quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ thuộc đảo Hải Nam kéo dài từ vĩ tuyến 20 (ngang Thanh Hóa) đến vĩ tuyến 18 (ngang Nghệ Tĩnh). Trong khi đó quần đảo Hoàng Sa tọa lạc về phía nam, từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 15 (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi), và quần đảo Trường Sa tại các vĩ tuyến 12-8 (Cam Ranh - Cà Mau).

Trong bản đồ *Đại Thanh Đế Quốc* do Chính Phủ ấn hành cũng không thấy vẽ các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và không thấy ghi các danh xưng Hán hóa như Tây Sa, Nam Sa, Vĩnh Lạc, Tuyên Đức, v...v....

Hơn nữa, trong bộ *Hải Quốc Đồ Ký*, cuốn *Hải Lục* của Vương Bình Nam (1820-1842) viết: “*Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa) là dải cát dài ngoài biển được dùng làm phen giậu che chắn mặt ngoài bờ cõi nước An Nam*”. Như vậy có sự nhìn nhận rằng quần đảo này là biên thùy của Việt Nam.

Theo học giả Marwyn S. Samuels trong cuốn *Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa, không có bằng chứng nào cho thấy nhà Thanh đã sát nhập các hải đảo này vào lãnh thổ Trung Quốc* (There is no evidence here that the Ch'ing State had in any sense absorbed the islands into the imperial domain: Marwyn S. Samuels, *Contest for the South China Sea, Methuen London, 1982, note 31, p.38).*

Tập *Địa Dư Chí Tỉnh Quảng Đông* được vua Nhà Thanh duyệt phê năm 1731, không ghi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Trung Quốc (cũng như Bản Đồ Mao Khôn trong cuốn *Vũ Bị Chí* đời Nhà Minh).

Trong bộ sách địa lý “*Đại Thanh Nhất Thống Chí*” do Quốc Sử Quán Trung Hoa biên soạn năm 1842 với lời tựa của vua Thanh Tuyên Tông, không có chỗ nào ghi *Thiên Lý Trường Sa* hay *Vạn Lý Trường Sa* (quần đảo Hoàng Sa) thuộc địa phận tỉnh Quảng Đông.

Đặc biệt là trong cuốn *Hải Quốc Văn Kiến Lục* của Trần Luân Quýnh (năm 1744), vùng hải phận của Việt Nam tại Biển Đông Hải được ghi bằng các danh xưng *Việt Hải* và *Việt Dương*.

Ngoài ra cuốn *Hải Ngoại Kỳ Sự* của Thích Đại Sán xuất bản năm 1695 đời Khang Hi cũng ghi nhận chủ quyền của Đại Việt trong việc chiếm hữu, kiểm soát và khai thác vùng Biển Đông Hải nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đời Nhà Hán, sau khi Hán Vũ Đế thôn tính và đổi tên nước Nam Việt thành Giao Chỉ Bộ, vùng biển Đông Hải chạy từ bờ biển Bắc Việt đến Thanh Hóa, Nghệ An (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam) có tên là Giao Chỉ Dương.

2. Đời **nhà Minh** cuốn *Vũ Bị Chí* của Mao Nguyên Nghi (và cuốn *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* của Chu Khứ Phi đời nhà Tống) cũng gọi Biển Đông Hải là *Giao Chỉ Dương*. Trong khi đó trên các bản đồ *Trịnh Hòa Hạ Tây Dương*, *Trịnh Hòa Hàng Hải Đồ* không thấy ghi các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa với các danh xưng Hán hóa Tây Sa, Nam Sa, Tuyên Đức, Vĩnh Lạc trong lộ trình hải đạo của Trịnh Hòa 7 lần đi qua Biển Nam Hoa để khai phá Biển Tây Dương (Ấn Độ Dương).

Theo lịch sử Việt Nam trong hai thế kỷ 14 và 15 có sự giao chiến liên miên giữa Việt Nam và Chiêm Thành. Nếu quả thật nhà Minh đã chiếm đất Chiêm Thành năm 1413 trong chuyến đi thứ tư của Trịnh Hòa, thì lẽ tất nhiên sử sách của Trung Hoa và Việt Nam đã phải ghi chép việc đó. Trong khi đó theo sách *Đư Địa Chí* đời Hồng Đức, tới hậu bán thế kỷ 15 dưới đời vua Lê Thánh Tông năm 1471, Chiêm Thành đã là lãnh thổ của Đại Việt gồm có lục địa, hải phận và các hải đảo.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí về tỉnh Khánh Hòa thì cuốn *Minh Sử* cũng ghi chép như sau: “Sứ thần Chiêm Thành nói: Cổ lai đất nước Chiêm có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện, nay vua An Nam lấy đi chỉ còn 5 xứ, từ Bang Đô Lang đến Chân Lạp mà thôi”. Lúc này vua Nhà Minh sai sứ sang yêu cầu vua Lê Thánh Tông trả đất cho Chiêm Thành nhưng Ngài không chịu. (Lý do là vì Minh Chủ không trả đất Nam Việt của Triệu Vũ Đế cho nước Đại Việt).

Những tài liệu lịch sử này cho biết từ thế kỷ 15, các đảo Hoàng Sa và Trường Sa nguyên là *địa bàn hải phận ngư nghiệp của Chiêm Thành đã trở thành lãnh thổ của Đại Việt*. Cũng nên ghi chú rằng từ năm 1427 Lê Lợi đã đánh thắng quân Nhà Minh để giành lại chủ quyền độc lập đã bị Minh Thành Tổ tước đoạt từ 20 năm trước (1407).

3. Đòi **nhà Nguyên**, trong thế kỷ 13 Trung Quốc bị *Mông Cổ* thôn tính trong 90 năm. Năm 1257, quân Mông Cổ đánh Vân Nam và tràn sang Đại Việt.

Trước đó trong chiến dịch Tây Tiến, dưới hiệu kỳ *Thành Cát Tư Hãn*, quân Mông Cổ đã chiếm giữ vùng Trung Á 6 ngàn dặm đến Hung Gia Lợi và nước Nga tại Bắc Âu và Ba Tư tại Nam Á. Ngoài ra họ còn thôn tính nước Tây Hạ phía tây bắc, nước Kim phía đông bắc rồi tràn sang Triều Tiên. Sau khi dẹp nhà Tống và đặt nền thống trị tại Trung Quốc, Mông Cổ đánh chiếm nước Đại Lý hay Vân Nam Phủ. Tuy nhiên, tại Đại Việt, với quân dân một lòng, năm 1257 nhà Trần đã đánh tan quân Mông Cổ tại Đông Bộ Đầu phía đông Sông Nhị Hà. Đây là chiến thắng đầu tiên của Đại Việt đối với nhà Nguyên.

27 năm sau, năm 1284, con Nguyên Chủ là Thái Tử Thoát Hoan kéo quân sang báo thù.

Trong Hội Nghị Diên Hồng các bô lão đồng thanh xin đánh. Dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo, chỉ trong vòng 6 tháng, từ tháng 12 năm 1284 đến tháng 6 năm 1285, quân Đại Việt đã đánh đuổi quân Mông Cổ ra ngoài bờ cõi. Toa Đô bị bắn chết, Ô Mã Nhi bị đuổi quá gấp phải một mình chạy trốn bằng thuyền, trong khi Thoát Hoan phải chui ống đồng lên xe tháo chạy về Tàu.

Thời gian này Hốt Tất Liệt đã có kế hoạch thôn tính quần đảo Phù Tang. Nay quân Thoát Hoan đại bại kéo về, Nguyên Chủ phải đình chỉ kế hoạch Đông Tiến. Và hai năm sau, đầu năm 1287 Thoát Hoan lại tập trung lực lượng kéo quân sang Đại Việt để báo thù lần thứ hai.

Tuy nhiên, cũng như lần trước, chỉ trong vòng một năm quân Mông Cổ đã mua lấy thất bại. Ô Mã Nhi lần này bị bắt sống. Sau đó Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật, Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão đại phá quân Nguyên tại Bạch Đằng Giang khiến Thoát Hoan phải thu tàn binh tháo chạy về Yên Kinh. Và tại Thăng Long Trần Nhân Tông đem các tướng nhà Nguyên bị bắt như Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm lễ hiến phù tại Chiêu Lăng.

Đây là một vinh quang của Đại Việt đã ba lần đơn phương phá vỡ kế hoạch Nam Tiến (tại Việt Nam), đồng thời ngăn cản cuộc Đông Tiến (tại Nhật Bản) của đoàn quân Mông Cổ nổi danh là bách chiến bách thắng từ đời Thành Cát Tư Hãn.

Sau ba phen thất bại, Nhà Nguyên không còn dòm ngó Việt Nam cả trên lục địa đến các hải đảo. Và trong các thế kỷ 13 và 14, theo chính sử, quân Mông Cổ không xâm chiếm các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo cuốn *Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa* của Marwyn Samuels “*Trong suốt thế kỷ 14 các đội hải thuyền hùng mạnh của nhà Nguyên có đi tuần tiễu, nhưng tại Biển Nam Hoa các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa không bị chiếm đóng và không thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc*” (sách đã dẫn, trang 20).

Nguyên Sử cũng xác nhận điều đó.

Cũng như các sách sử địa đời Nhà Thanh, cuốn *Nguyên Sử Địa Lý Chí* đã viết như sau: “Cương vực Trung Quốc đời Nhà Nguyên về phía Nam chỉ đến Đảo Hải Nam, và về phía Bắc không quá Sa Mạc Gobi”.

4. Đời **Nhà Tống**, cũng như trong thế kỷ 13 đời Nhà Nguyên, trong hai thế kỷ thứ 10 và 11, quân Đại Việt cũng đã 3 lần đánh thắng quân Nhà Tống.

Trước hết, đời Tiền Lê, năm 981 Lê Đại Hành phá tan hải quân của Lưu Trùng nhà Tống tại Bạch Đằng Giang.

Đến đời Nhà Lý, năm 1075, Lý Thường Kiệt và Tôn Đản vây hãm quân Nhà Tống tại Châu Liêm, Châu Khâm (Quảng Đông) và Châu Ung (Quảng Tây). Qua năm 1076, một lần nữa, Lý Thường Kiệt lại đánh bại hải quân Nhà Tống trên sông Như Nguyệt và sông Phú Lương.

Sau 3 phen thất bại, theo trình tấu của hoàng thân Triệu Nhữ Quát, vua Tống Thần Tông đã phải theo chính sách *Trọng Võ Ái Nhân* (thận trọng việc võ bị, thương xót mạng người, không phơi binh nơi lam chướng). Và đã thừa nhận nền độc lập của Đại Việt.

Sách *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhữ Quát nhìn nhận rằng quần đảo Hoàng Sa mà tác giả gọi là *Thiên Lý Trường Sa* (Bãi Cát Dài Ngàn Dặm) là đất của nước phiên thuộc Việt Nam, chứ không thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.

Trong đời Nam Tống cuốn *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* của Châu Khứ Phi cũng xác nhận: “Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa) tọa lạc tại Giao Chỉ Dương”.

Nói tóm lại các sách sử địa Nhà Tống không bao giờ ghi chép rằng Trung Quốc đã chiếm hữu các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa như Chính Phủ Bắc Kinh đã xuyên tạc trong “*Bản Chú Giải về Đảo Nam Uy và Quần Đảo Tây Sa*” ngày 1-tháng 9-1951.

5. Đời **Nhà Đường** sách *Đường Thư Nghệ Văn Chí* có đề cập đến cuốn *Giao Châu Dị Vật Chí* của Dương Phu trong đó tác giả tường thuật những việc kỳ dị và những nơi kỳ dị tại Giao Châu (Việt Nam). Như tại Thất Châu Dương (Nhóm An Vĩnh, Hoàng Sa) là nơi có nhiều từ thạch hay đá nam châm khiến các thuyền ngoại dương có đóng chốt sắt không đi qua được. Đây có sự thừa nhận các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam.

Ngoài ra sách *Tứ Di Lộ Trình* do Giã Đàm đời Đường khi ghi lộ trình hay hải đạo Hongkong-Tân Gia Ba cũng không ghi các hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa hay các danh xưng Tây Sa, Nam Sa.

Kế tiếp đời nhà Đường là đời *Ngũ Đại Thập Quốc* (907-960). Đây là một giai đoạn lịch sử phân hóa và suy yếu. Thừa dịp này, năm 939 Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán để giành lại chủ quyền độc lập cho Việt Nam.

6. Đời **Nhà Hán**, trong cuốn *Chư Phiên Chí*, sử gia Triệu Nhữ Quát đời Nhà Tống đã xác nhận nhiều sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ như sau:

Năm 111 Trước Công Nguyên, sau khi thôn tính Nam Việt “Hán Vũ Đế sai quân vượt biển sang chiếm đất của địch quân (Nam Việt) và đặt ra hai quận Châu

Nhai và Đạm Nhĩ (Đảo Hải Nam). Trong thế kỷ thứ nhất Trước C.N. Hán Nguyên Đế đã rút quân khỏi đảo Hải Nam, mãi tới đời nhà Lương và nhà Tùy (cuối thế kỷ thứ 6 và đầu thế kỷ thứ 7) mới đặt lại quyền cai trị”.

Như đã trình bày, đến cuối đời Nhà Thanh vào đầu thế kỷ 20, biên cương của Trung Quốc về phía Nam chỉ chạy tới quận Quỳnh Châu đảo Hải Nam tại vĩ tuyến 18.

Tổng kết lại, về mặt chính sử, trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Hán đến sau Thế Chiến II, không thấy tài liệu nào, hay nói rõ hơn, không có câu nào ghi rằng Biển Đông Hải với Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Mãi tới năm **1951** nhân kỳ Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951, lần đầu tiên **Chính Phủ Bắc Kinh** mới đưa ra Công Bố ngày 1-9-1951 đòi chủ quyền lãnh thổ tại các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là *Bản Chú Giải về Đảo Nam Uy và Quần Đảo Tây Sa* theo đó “đảo Nam Uy cùng toàn thể các quần đảo Nam Sa và Tây Sa đều là lãnh thổ của Trung Quốc, các tài liệu lịch sử liên quan đến các quần đảo này có từ đời **nhà Tống**”. (*Notes on the Nanwei and Sisha Islands, People's China, Foreign Language Press, 9-1-1951*).

Tuy nhiên lịch sử Trung Quốc đã không ghi nhận như vậy. Như đã trình bày, cuốn *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* của sử gia Chu Khứ Phi đời Nhà Tống cũng gọi vùng biển Hoàng Sa Trường Sa là Giao Chi Dương (biển của nước Giao Chi tức Việt Nam đời Nhà Hán).

Qua năm **1956** khi Phi Luật Tân đòi chủ quyền các hải đảo Thái Bình (Itu Aba) và Trường Sa (Spratly), ngày 29-5-1956 **Chính Phủ Đài Bắc** đã lên tiếng phản kháng và chủ trương rằng các hải đảo này đã thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc từ đời **nhà Minh** trong thế kỷ 15.

Tuy nhiên cũng như Bản Công Bố Chủ Quyền của Bắc Kinh năm 1951, Bản Phản Kháng Phi Luật Tân năm 1956 của Đài Bắc không viện dẫn được bằng chứng cụ thể nào về pháp lý, địa lý hay lịch sử để chứng minh chủ quyền của Trung Quốc tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cả hai Chính Phủ Trung Hoa chỉ quả quyết suông rằng Biển Nam Hoa là Biên Lịch Sử của Trung Quốc từ các đời Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông hay Minh Thành Tổ.

Trên thực tế đây chỉ là âm mưu của Chính Phủ Bắc Kinh nhằm khôi phục chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc do Mao Trạch Đông tái phát động từ cuối thập niên 1950. Và để thi đua tranh thủ nhân tâm, Chính Phủ Đài Loan cũng phụ họa luận điệu này. Mặc dầu, như đã trình bày, cho tới tháng 2-1955 Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc Tưởng Giới Thạch vẫn xác nhận giá trị Tuyên Cáo Cairo 1943 trong đó Trung Quốc khước từ chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa.

8. Phục Hồi Chủ Nghĩa Đại Hán

Tháng 5-2008 trên tạp chí *Duyệt Lại Nền Kinh Tế Tại Viễn Đông* (Far Eastern Economic Review), học giả Micheal A. Ledeen trong Viện Nghiên Cứu Chính Sách của Hoa Kỳ đã mệnh danh *chính sách bá quyền của Trung Quốc hiện nay là Chủ Nghĩa Phát Xít Cổ Điển* (Beijing Embraces Classical Fascism).

Theo tác giả, thay vì tiếp thu chủ nghĩa đa nguyên theo sự mong đợi của mọi người, giới lãnh đạo Trung Quốc càng ngày càng trở nên giáo điều và bảo thủ. Cũng như tại Ý Đại Lợi 50 năm sau Cách Mạng Phát Xít, Nhà Nước Ý vẫn giữ nguyên chế độ độc tài và chủ yếu vẫn đàn áp chính trị. Để biện minh cho chế độ, họ đã nêu lên quan hệ về sự vinh quang cổ xưa của dân tộc Ý thời Đế Quốc La Mã. Ngày nay, để phỏng theo Chủ Nghĩa Phát Xít Cổ Điển Ý, Bắc Kinh cũng đề xướng “*Dân tộc Hán Vĩ Đại*”. Mục đích để giữ chặt quyền lực chính trị hầu phục hồi Đế Quốc Đại Hán.

Đây chính là Chủ Nghĩa Đại Hán được xây dựng và phục hồi. Với “tứ hiện đại hóa” Trung Quốc ngày nay đã biểu lộ tính hiếu chiến trong chính sách bành trướng *cả về kinh tế lẫn chủ quyền lãnh thổ*. Quân đội Trung Quốc đang tăng cường sức mạnh để hy vọng có ngày đủ phương tiện nhằm loại trừ hay phòng ngừa sự can thiệp của Hoa Kỳ tại Á Châu Thái Bình Dương. *Trong khi chờ đợi họ phóng kim ngân để tích cực vận dụng thông tin tuyên truyền hầu giành cảm tình và sự thán phục của các quốc gia trên thế giới*. Sau đó, theo truyền thống và tự hào lịch sử, họ sẽ bước vào giai đoạn đối đầu với phe Dân Chủ Tây Phương. Họ kỳ vọng rằng với quyết tâm và phát triển kinh tế, hệ thống Trung Quốc sẽ nổi bật trên thế giới khiến các quốc gia khác phải khâm phục và *mặc nhiên chấp thuận để họ thôn tính các vùng lãnh thổ và hải đảo tại Á Châu*.

Những nhận định nói trên của ký giả Micheal A. Ledeen cũng là những nhận định của Tiên Sĩ Lo Chi-Kin từ Hong Kong trong Luận Án Tiên Sĩ đệ trình Đại Học Kinh Tế Chính Trị Luân Đôn năm 1986 : Đối với Trung Quốc, những lãnh thổ phụ dung trước kia đã được Trung Quốc chinh phục và khai hóa, nay phải trả lại (Trung Quốc) vẫn minh chứ không thể thuộc về phe (Đế Quốc) dã man (*Territory once won for civilization must not be given back to barbarism*: Chi-Kin Lo, China’s Policy Towards Territorial Disputes, Routledge London, 1989).

Trong thập niên 1960 khi phát động Cách Mạng Văn Hóa, Trung Quốc đã viện dẫn nguyên tắc này để giành giật chủ quyền lãnh thổ trong Chiến Tranh Biên Giới Ấn-Hoa. Lúc này chính sách ngoại giao của Bắc Kinh nhằm thu hồi toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của Đế Quốc Trung Hoa thời cực thịnh. Đó là quan niệm “*trật tự thế giới theo truyền thống Trung Quốc*”.

Từ sau Chiến Tranh Biên Giới Hoa-Ấn năm 1962, mọi người nhìn rõ tham vọng không bao giờ thỏa mãn của Trung Quốc muốn đòi những lãnh thổ mà họ đã thôn tính trong lịch sử. Chính sách này được phổ biến năm 1954 trong cuốn “*Lược Sử Tân Trung Quốc*” có kèm theo bản đồ, nhắc lại lời Mao Trạch Đông: “Tất cả các lãnh thổ và hải đảo thuộc khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc đã từng bị phe

Đế Quốc Tây Phương và Nhật Bản chiếm đoạt từ giữa thế kỷ 19 đến sau Thế Chiến I, như *Ngoại Mông, Triều Tiên, “An Nam”, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Bhutan, Nepal, Ladakh, Hồng Kông, Macao, cùng những hải đảo Thái Bình Dương như Đài Loan, Bành Hồ, Ryukyu, Sakhalin, phải được giao hoàn cho Trung Quốc*”.

Đây là khát vọng bá quyền của Trung Quốc không bao giờ thỏa mãn. *Đế Quốc Ngai Rồng* phát hiện từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế và Minh Thành Tổ đã được Mao Trạch Đông phục hồi từ 1955.

Trong cuốn *Cách Mạng Trung Quốc và Lịch Sử Đảng Cộng Sản Trung Quốc* xuất bản sau năm 1949 có đoạn như sau:

“Sau khi đánh bại Trung Quốc trong chiến tranh vũ trang, các đế quốc đã thôn tính nhiều nước phụ dung của Trung Quốc: Nhật Bản chiếm Triều Tiên, Đài Loan, Bành Hồ, các đảo Ryukyu, và Port Arthur. Anh chiếm Miến Điện, Bhutan, Nepal và Hong Kong; Pháp chiếm “An Nam”, và ngay cả một quốc gia vô nghĩa như Bồ Đào Nha cũng chiếm Macao”.

(In earlier days, especially in the immediate aftermath of the Sino-Indian border war of 1962, a popular interpretation of China’s policies towards territorial disputes was that they were dictated by insatiable irredentist ambitions. It has been claimed that it is the belief of the Chinese that territory once won for civilization must not be given back to barbarism. Therefore territory which was once Chinese must forever remain so, and, if lost, must be recovered at the first opportunity *C. P. Fitzgerald, The Chinese View of Foreign Relations, 1963.*

In defeating China in war, the imperial states have taken away many Chinese dependent states and a part of her territories. Japan took away Korea, Taiwan, the Ryukyu Islands, the Pescadores and Port Arthur; Britain seized Burma, Bhutan, Nepal and Hongkong. France occupied “Annam”, and even an insignificant country like Portugal took Macao.

Mao’s remark is believed to have lent weight to the irredentist interpretation of China’s territorial policies. *Guy Searls, Communist China’s Border Policy, Dragon Throne Imperialism? Hongkong 1963).*

(Irredentist interpretation means an advocate of the recovery of lands of which his nation has been deprived, or, of territory historically or culturally related to his nation but now subject to a foreign government).

Nhận định nói trên của họ Mao đã yểm trợ cho chính sách thổ địa của Trung Hoa với quan niệm cực đoan cho rằng, về phương diện lịch sử và văn hóa, bất cứ lãnh thổ nào trước kia thuộc ảnh hưởng Trung Quốc hiện bị các đế quốc (Tây Phương) xâm chiếm, nay phải giao hoàn cho Trung Quốc.

Riêng tại Việt Nam và vùng Biển Đông Nam Á, Trung Hoa đề ra thuyết Biển Lịch Sử và chủ trương rằng họ đã viện dẫn rất nhiều *tài liệu lịch sử từ thời cổ*

xưa cho biết họ đã khám phá và chiếm cứ những hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Do đó họ tự cho có ưu thế trên lãnh vực lịch sử và khẳng định rằng chủ quyền của Trung Quốc tại các quần đảo trong Biển Nam Hoa là vấn đề “bất khả tranh nghị” (Both contentions are strong: the ancient title based on immemorial possession or discovery- occupation).

Điều đáng lưu ý là Bắc Kinh mới chỉ chính thức lên tiếng đòi chủ quyền tại Biển Đông Hải ngày 1-9-1951 viện cớ họ đã chiếm cứ Hoàng Sa Trường Sa từ đời Nhà Tống (thế kỷ thứ 10).

Trong khi đó, 5 năm sau, ngày 29-5-1956, trong bản kháng nghị Phi Luật Tân tại Trường Sa, Đài Bắc lại chủ trương rằng Trung Quốc chỉ thủ đắc chủ quyền các hải đảo này từ đời Nhà Minh (thế kỷ 15).

Trong mọi trường hợp, người Trung Hoa, dầu là quốc gia hay cộng sản vẫn chỉ căn cứ vào những tài liệu ngoại sử, vào thuyết *Biển Lịch Sử* và thuyết *Thủ Đắc Chủ Quyền do Khám Phá và do Chiếm Cứ*. Họ chủ quan cho đó là lập trường ưu thắng không ai có thể phủ nhận hay bác bỏ.

Nếu quả thật muốn trung thành với chủ trương phải giao hoàn các lãnh thổ bị lấn chiếm do chiến tranh võ trang, thì trước hết Trung Quốc phải *giao hoàn cho Việt Nam toàn thể lãnh thổ nước Nam Việt* do Triệu Vũ Vương thiết lập năm 207 Trước C. N. bao gồm vùng trung nguyên Trung Quốc với các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, đảo Hải Nam và Việt Nam. Năm 181 Trước C. N., sau khi đánh thắng quân Tây Hán tại quận Trường Sa, Triệu Vũ Vương xưng đế hiệu là Nam Việt Hoàng Đế, ngang hàng với Hán Cao Tổ tại miền Bắc. Năm 157 Hán Văn Đế sai Lục Giả đưa quốc thư khuyến dụ Triệu Vũ Đế từ bỏ đế hiệu với lời cam kết sẽ để Triệu Vũ Vương được toàn quyền cai trị vùng trung nguyên Trung Quốc từ Ngũ Lĩnh đến bờ biển Việt Nam. Tuy nhiên năm 111 Trước C. N. Hán Vũ Đế đã phản bội cam kết của các tổ phụ và tiên vương nhà Tây Hán như Hán Cao Tổ và Hán Văn Đế. Và đã đem quân thôn tính Nam Việt nhằm Hán hóa vùng lãnh thổ này, mặc dầu Nam Việt có nền văn hóa và văn minh khác biệt với các dân tộc du mục miền Bắc. Đó cũng là nhận định của Giáo Sư C. P. Fitzgerald tại Đại Học Oxford: “Trong trường hợp nước Nam Việt giữ vững chủ quyền độc lập với nền văn hóa đặc thù của Miền Nam, thì dầu nhà Hán có chiếm được miền Quảng Châu và Vân Nam, họ cũng sẽ không thành công trong việc thiết lập ảnh hưởng tại vùng châu thổ Sông Tây Giang phía đông nam Trung Quốc”. (Had Nan Yueh remained independent, it is very possible a *separate culture* would have arisen in the south, and the Chinese might never have established their influence in the valley of West River. C. P. Fitzgerald: *China, A Short Cultural History Oxford University Press* 1953, p.184).

Điều nghịch lý là, dầu quả quyết nắm chắc phần thắng trong tay, Trung Quốc không bao giờ dám công khai đưa vấn đề tranh chấp chủ quyền hải đảo và

hải phận tại Biển Đông Nam Á ra trước các cơ quan trọng tài quốc tế, kể cả các cơ quan điều giải do các quốc gia đệ tam vô tư phụ trách.

(Ironically, despite most of the existing studies having found in favour of China's position over to islands, it appears that China has been most reluctant to subject the disputes to international legal arbitration. *Chi-Kin Lo. Ibid*).

Ngay từ năm 1932, trong vụ tranh chấp về quyền khai thác phốt phát trên quần đảo Hoàng Sa, đại diện Việt Nam, Chính Phủ Pháp đã viện dẫn những tài liệu lịch sử để xác định chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo này. Để tỏ thiện chí hòa giải, Pháp đề nghị đưa vụ tranh chấp Hoàng Sa ra trước Tòa Án Quốc Tế là cơ quan tư pháp tối cao có thẩm quyền công bố những quan điểm tham vấn (*consultative opinions*). Tuy nhiên Trung Quốc đã tránh né và không dám công khai trình bày những quan điểm pháp lý và những tài liệu lịch sử mà họ thường phô trương. (Báo cáo của Toàn Quyền Đông Dương Pierre Pasquier năm 1932 hiện lưu trữ tại Văn Khố Bộ Ngoại Giao Pháp).

Ngày nay chúng ta thách thức Trung Quốc công khai đưa vụ tranh chấp chủ quyền các hải đảo và hải phận tại Biển Đông Hải ra trước các cơ quan tài phán, trọng tài, hòa giải hay tham vấn theo thủ tục quốc tế (international litigation, arbitration, legal mediation or judicial consultation).

Giáo Sư Fairbank tại Đại Học Harvard và Giáo Sư Fitzgerald tại Đại Học Oxford cho rằng Trung Quốc vẫn chủ trương duy trì một trật tự thế giới nhằm tái lập vai trò bá chủ truyền thống của họ. Quá trình lịch sử của Trung Quốc đã ảnh hưởng quyết định đến chính sách đối ngoại hiện nay của Bắc Kinh. Họ chỉ giáo hoạt nường theo trào lưu tiến hóa lịch sử để duy trì địa vị và uy thế, bất kể những mục tiêu tinh thần của Liên Hiệp Quốc như bình đẳng, hợp tác và hữu nghị giữa các quốc gia hội viên trên thế giới.

(Some historians like Fairbank and Fitzgerald believe in the existence of a Chinese traditional world order, or a traditional view of “their place in the world”. This historical legacy continues to exert an important influence on China's foreign policy today. In Fitzgerald's words “the Chinese view of the world has not fundamentally changed: it has been adjusted to take account of the modern world, but only so far as to permit China to occupy, still, the central place in the picture”, *C. P. Fitzgerald, The Chinese View of Their Place in the World: Oxford University Press 1964: 68-72. J. K. Fairbank, The Chinese World Order, Harvard University Press, 1968 and China's World Order, Encounter, December 1968:14-20*).

Hiện nay, tại vùng Biển Đông Nam Á, *rập theo tham vọng của Đế Quốc La Mã* hồi thế kỷ thứ nhất coi Địa Trung Hải là Biển Lịch Sử La Mã, Bắc Kinh cũng đưa ra thuyết *Biển Lịch Sử hay Lưỡi Ròng Trung Quốc* và coi đó là mục tiêu chiến lược từ sau Thế Chiến II. Nhất là từ 1982 khi Trung Quốc ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển tại Montego Bay, Jamaica.

Tuy nhiên thuyết Biển Lịch Sử ngày nay đã lỗi thời. Nó đi trái những điều khoản của Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển và đi trái Luật Tục Lệ Quốc Tế của Tòa Án Quốc Tế The Hague.

9. Biển Lịch Sử và Thuyết Thủ Đắc Chủ Quyền

Trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông, Minh Thành Tổ đến giữa thế kỷ 20 (năm 1951), Trung Quốc không bao giờ lên tiếng đòi chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa). Họ khẳng định đó là một vấn đề “*bất khả tranh nghị*”. Để tránh né mọi cuộc tranh luận công khai trước các cơ quan điều giải, trọng tài hay tố tụng. Lý do là vì họ không đưa ra được quan điểm pháp lý hay một bằng chứng lịch sử khả tín nào cho thấy họ có chủ quyền tại các quần đảo này.

Năm 1982, sau khi ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, Bắc Kinh tập hợp 400 học giả, ngày đêm nghiên cứu, thảo luận trong suốt 10 năm để kết luận rằng “Biển Nam Hoa là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ hàng ngàn năm nay”. Rồi họ hội nghị với 100 nhà trí thức Đài Loan để xác định chủ trương này.

Tuy nhiên về mặt Công Pháp Quốc Tế, chiếu án lệ của Tòa Án Quốc Tế The Hague, muốn có Biển Lịch Sử phải hội đủ 3 điều kiện:

- 1) Phải có sự hành sử chủ quyền;
- 2) Một cách liên tục và trường kỳ; và
- 3) Được sự thừa nhận của các quốc gia duyên hải, đặc biệt là các quốc gia tiếp cận và đối diện.

Dầu sao Tòa Án Quốc Tế đã định nghĩa “*biển lịch sử là nội hải*”.

Năm 1982 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển đã kết thúc mọi cuộc tranh luận khi quy định trong Điều 8 như sau:

“Ngoại trừ trường hợp các quốc gia quần đảo [như Phi Luật Tân hay Nhật Bản] *Biển Lịch Sử hay nội hải của một quốc gia nằm bên trong đất liền, về phía bên trong đường cơ sở của biển lãnh thổ*. The International Court of Justice has defined historic waters as “internal water” (Fishery cases UK vs. Norway, 1951, I. C. J. 116, 130); “Waters on the landward side of the baseline of the territorial sea form part of the internal water of the State” (Art. 8 LOS Convention 1982).

Ngoài ra Trung Quốc còn nêu lên thuyết Thủ Đắc Chủ Quyền các đất vô chủ, thủ đắc do khám phá và thủ đắc do chiếm cứ.

A. Thủ Đắc do Khám Phá (Acquisition by Discovery).

Theo các tài liệu do Bắc Kinh xuất trình, từ hơn 2000 năm nay, dưới đời nhà Hán, với 100 ngàn hải quân, Đô Đốc Yang Pu đã khám phá các hải đảo tại Biển Nam Hoa, và do đó đã thủ đắc chủ quyền các hải đảo này.

Lý luận này hoàn toàn vô căn cứ:

1) Trước hết không có tài liệu khách quan vô tư nào kiểm chứng có sự tuân thủ của 100 ngàn hải quân Trung Quốc tại các tiểu đảo san hô trên Biển Đông Hải. Có chăng chỉ là đội hải thuyền của Tào Tháo mượn lệnh Hán Đế đi thôn tính Đông Ngô và đã bị Chu Du và Gia Cát Lượng đánh tan trong Trận Xích Bích.

Vả lại, như đã trình bày, trong thế kỷ thứ I Trước C.N, quân Nhà Hán đã rút khỏi đảo Hải Nam cho đến cuối thế kỷ thứ 6 mới đặt lại quyền cai trị.

Hơn nữa, sử sách đời Nhà Thanh còn ghi rõ “đến cuối thế kỷ 19, lãnh thổ của Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam tại vĩ tuyến 18 là hết”. Như vậy trong 20 thế kỷ, từ đời Nhà Hán đến đời Nhà Thanh, hải quân Trung Quốc không chiếm hữu các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tọa lạc về phía nam, từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến thứ 8 (Quảng Trị-Cà Mau).

2) Vả lại kẻ khám phá không đương nhiên là kẻ sở hữu. Hoa Kỳ đã khám phá mặt trăng, treo cờ, lấy đá, chạy xe thử nghiệm và chiếm cứ tượng trưng nhiều lần. Nhưng không phải vì các hành động này mà Hoa Kỳ có thể tuyên bố: “Mặt trăng thuộc chủ quyền không gian của Hoa Kỳ”.

3) Các nhà thám hiểm hàng hải quốc tế từ thế kỷ 15, như Christopher Columbus khám phá Châu Mỹ, Vasco de Gama khám phá Mũi Hảo Vọng tại Phi Châu và các hoang đảo tại Ấn Độ Dương; Magellan đi xuyên ba đại dương từ Đại Tây Dương vượt Ấn Độ Dương qua Thái Bình Dương, khám phá quần đảo Phi Luật Tân và hải đảo Guam. Vậy mà Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha cũng không đòi chủ quyền các hải đảo này. Cũng trong tinh thần đó, năm 1867 Hải Quân Anh đã phát hiện Quần Đảo Trường Sa và đặt tên là Spratleys. Vậy mà Anh Quốc cũng không đòi chủ quyền các hải đảo này, dầu rằng, theo Tuyên Ngôn Potsdam 1945, Anh Quốc được Đồng Minh trao nghĩa vụ giải giới Quân Đội Nhật tại Spratleys.

4) Vẫn theo tinh thần đó, khám phá ra Bắc Cực, Nam Cực, rồi cắm cờ, dựng bia kỷ niệm cũng không có hiệu lực ban bố chủ quyền cho người chinh phục.

B. Thủ Đắc do Chiếm Cứ (Acquisition by Occupation)

Theo công pháp quốc tế, muôn thủ đắc chủ quyền các *đất vô chủ* (terra nullius), sự chiếm cứ phải có những đặc tính sau đây:

1) *Chiếm cứ thực sự.*

Tại Trường Sa trong số các đảo, cồn, đá, bãi có danh xưng quốc tế, Trung Quốc chiếm 8 đơn vị, Đài Loan chiếm đảo Ba Bình hay Thái Bình, trong khi Việt Nam chiếm 21 đảo và Phi Luật Tân chiếm 8 đảo..

2) *Chiếm cứ công khai.*

Sự chiếm cứ phải có tính công khai, không thể ngấm ngầm như trường hợp Trung Quốc lần chiếm và xây công sự tại đá chìm Mischief, trên thềm lục địa Phi Luật Tân năm 1995.

3) *Chiếm cứ hòa bình.*

Không có sự chối cãi rằng trong năm 1956 hải quân Trung Quốc đã chiếm cứ võ trang 7 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm An Vĩnh phía đông bắc.

Năm 1974 Trung Quốc lại dùng võ lực xâm chiếm 6 hải đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Lưỡi Liềm phía tây nam.

Năm 1988, *lần đầu tiên* hải quân Trung Quốc tấn công võ trang các đảo Trường Sa, và đã chiếm Đá Chữ Thập và Đá Gaven cùng một số đá chìm và bãi ngầm.

Năm 1992, Trung Quốc lại dùng võ lực xâm chiếm Bãi Vạn An trên Thềm Lục Địa Việt Nam phía đông nam các Bãi Thanh Long và Tứ Chính.

Những vụ chiếm cứ này không có tính hòa bình mà do xâm lăng võ trang nên không được luật pháp và tòa án bảo vệ. Vì nó đi trái Điều 2 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Cũng như thời Thế Chiến II, Nhật Bản đã chiếm cứ Hoàng Sa và Trường Sa bằng võ lực nên không có tư cách chủ quyền hợp pháp.

4) *Chiếm cứ liên tục và trường kỳ*

Cho đến năm 1951 Trung Quốc không bao giờ lên tiếng đòi chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Trong khi đó, ít nhất từ 1816 dưới đời Vua Gia Long, Việt Nam đã chiếm cứ công khai, liên tục, hòa bình các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bia chủ quyền do người Pháp dựng năm 1938 có ghi:

République Francaise (Cộng Hòa Pháp)

Empire D'Annam (Vương Quốc Việt Nam)

Archipel des Paracels (Quần Đảo Hoàng Sa)

1816 -Ile de Pattle- 1938 (Đảo Hoàng Sa)

Chiếm cứ năm 1816 và dựng bia năm 1938)

Các căn cứ quân sự của người Pháp được thiết lập từ đầu thập niên 1930. Đài Khí Tượng Hoàng Sa mang số 48860 thuộc Tổ Chức Khí Tượng Thế Giới bắt đầu hoạt động từ 1938. Trước đó, trong thập niên 1920, Công Ty Phosphate Bắc Kỳ đã khởi sự khai thác phân chim. Ngoài ra còn có hải đăng, Miếu Bà, Nhà Thờ Thiên Chúa, cầu tàu và các nhà cửa công sự xây cất với sự đồn trú của Đội Phòng Vệ Đông Dương và của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. *Sự chiếm cứ này có tính công khai, hòa bình, trường kỳ và liên tục cho đến 1956 và 1974 khi hải quân Trung Quốc xâm lăng.*

Lịch sử Trung Quốc không mang lại bằng chứng khách quan vô tư nào cho biết họ đã liên tục chiếm cứ, công bố và hành sự chủ quyền tại Hoàng Sa, Trường Sa từ các đời Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông, Minh Thành Tổ hay Càn Long. Nếu

chỉ có một số ngư dân lẻ tẻ từ đảo Hải Nam đến đánh cá theo mùa thì cũng *không có sự công bố và hành sử chủ quyền của Nhà Nước Trung Hoa.*

5) *Hơn nữa sự chiếm cứ phải được sự thừa nhận của các quốc gia liên hệ.*

Như đã trình bày, năm 1951, 51 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị Hòa Bình Cựu Kim Sơn để ký Hiệp Ước Hòa Bình Nhật Bản, trong đó Nhật Bản từ bỏ chủ quyền về Hoàng Sa Trường Sa nhưng không nói để trả cho nước nào. Ngoại Trưởng Liên Xô yêu cầu Hội Nghị biểu quyết trao Hoàng Sa Trường Sa cho Trung Quốc. Nhưng Hội Nghị đã bác bỏ thỉnh cầu này với 46 phiếu chống và 3 phiếu thuận. Sau đó Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng Quốc Gia Việt Nam lên diễn đàn công khai tuyên bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa và không gặp sự phản kháng nào.

Sự thừa nhận chủ quyền hải đảo chỉ có ý nghĩa nếu xuất phát từ các quốc gia duyên hải đối diện và tiếp cận. Vì các đảo này tọa lạc tại Biển Đông Nam Á, nên chỉ các quốc gia Đông Nam Á mới có thẩm quyền thừa nhận. Mà cho đến nay trong tất cả các quốc gia Đông Nam Á không một nước nào thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Điều đáng lưu ý là, cho đến những năm 1956, 1974, 1988 và 1992 *các đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã do Việt Nam chiếm cứ công khai, hòa bình và liên tục nên không thể coi đó là đất vô chủ. (terra nullius)*

Như vậy thuyết Thủ Đắc Chủ Quyền do Khám Phá hay do Chiếm Cứ do Trung Quốc viện dẫn đã trở thành vô dụng. Nó chỉ dựa vào những lời tuyên bố suông, những khẩu thuyết vô bằng. Hơn nữa nó vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và trong Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển đồng thời vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.

Do đó, về mặt công pháp quốc tế, Thuyết Biển Lịch Sử không còn là một vấn đề tranh nghị tại các cơ quan trọng tài hay các Tòa Án Luật Biển. Vì thuyết này đi trái với Luật Tục Lệ Quốc Tế của Tòa Án Quốc Tế và đã bị Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển bác bỏ trong Điều 8.

Vì biết rõ điều đó nên Trung Quốc không bao giờ dám đưa vụ tranh chấp hải phận và các hải đảo tại Biển Đông Nam Á ra trước Tòa Án Quốc Tế, Tòa Án Luật Biển hay trước các cơ quan Trọng Tài và Điều Giải của Liên Hiệp Quốc.

Trong mọi trường hợp, dầu cực đoan đến mấy, ngày nay Bắc Kinh không còn dám yêu sách đòi chủ quyền lãnh thổ tại một số các quốc gia Đông Á như Triều Tiên, Miến Điện, Nepal, hay Việt Nam mà Mao Trạch Đông thường miệt thị là “nước phụ dung An Nam”

10. Tín Nghĩa và Quyền Mua

Muốn hội nhập vào cộng đồng nhân loại văn minh, thay vì tổ chức các thể vận hội về thể dục thể thao hay các hội chợ thể giới về văn hóa kỹ thuật với tác

dụng phô trương tuyên truyền, Bắc Kinh nên trở về với tín nghĩa, pháp lý và đạo lý. Bằng cách tôn trọng danh dự quốc gia và chữ ký của mình để nghiêm chỉnh thực thi Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển mà họ đã ký kết tham gia từ 28 năm nay. Nếu đi ngược trào lưu tiến hóa của nhân loại văn minh và trọng pháp, Trung Quốc sẽ bị các quốc gia trên thế giới chê cười và tẩy chay do thái độ trí trá, tiền hậu bất nhất, nói một đằng làm một nẻo.

Theo các nhà minh triết cổ kim có hai con đường lập quốc:

Lấy tín nghĩa mà lập quốc là theo chính đạo.

Lấy mưu mô quỷ quyệt mà trị nước là theo tà đạo.

Con đường này sẽ đưa đất nước đến suy vong.

(Tín nghĩa lập nhi nhân đạo, quyền mưu lập nhi vong quốc).

*Tài liệu soạn cho các sinh viên Việt Nam ở trong nước
các sinh viên Việt Nam tại hải ngoại
và các sinh viên Việt Nam du học tại hải ngoại*

Mùa Xuân 2010

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống